

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 149/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2020.

V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 816/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: 135/6 ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lư Hải D, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 301C Lô S, Chung cư K, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 110/20/2A đường B, Phường M, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2019; Bản tự khai ngày 18/12/2019 và Biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông Lư Hải D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2015, ngày 29/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống chung hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm mọi vấn đề trong cuộc sống, ông D không đi làm, không có thu nhập nên mọi chi phí trong gia đình chỉ một mình bà gánh vác. Mặt khác, từ khi kết hôn đến nay, ông D chưa bao giờ dẫn bà đến chào hỏi họ hàng nội ngoại phía bên chồng và gia đình bà chưa một lần được gia đình ông D mời đến nhà chơi nên tình cảm hai bên cũng rất sơ sài. Khi vợ chồng xảy ra bất đồng, mâu thuẫn thì ông D đã về nhà cha mẹ bà gây sự, có lời lẽ xúc phạm cha mẹ bà, do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lư Hải D.

Về con chung: Bà và ông Lư Hải D có 01 con chung là Lư Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/4/2016. Con do bà nuôi dưỡng từ khi mới sinh đến nay, hiện bà có thu nhập và nơi ở ổn định, nên bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ Lư Nguyễn Gia B đến khi thành niên; không yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông D cũng không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo Bản tự khai ngày 06/01/2020 và Biên bản hòa giải, bị đơn là ông Lư Hải D trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị V về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đối với nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì không phải hoàn toàn do ông. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 02 năm. Nhưng từ tháng 10/2017, bà V đi đâu không rõ đến nay, ông biết hiện bà V đã có tình cảm với người khác nên mới muốn ly hôn. Tuy nhiên, do con ông còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu bà V muốn ly hôn thì phải chờ con ông đủ 10 tuổi hoặc bà V giao con cho ông nuôi thì ông mới đồng ý. Nay nếu bà V không yêu thương ông nữa thì cứ sống riêng, nhưng bà V không được quyền quan hệ yêu đương và kết hôn với người khác.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Lư Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/4/2016 đến khi trẻ thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay thu nhập của ông khoảng 8 triệu đồng/tháng. Trong thời gian vợ chồng ly thân do bà V không cho ông gặp con nên

ông không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

- Bị đơn là ông Lư Hải D trình bày bổ sung: Bà V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc ông không có trách nhiệm với gia đình và không đưa tiền hàng tháng cho bà V là không hoàn toàn chính xác. Sau khi kết hôn thì ông là thợ bảo trì máy móc cho một công ty lớn, thu nhập hàng tháng khoảng từ 10 – 15 triệu đồng, ông đưa hết tiền hàng tháng cho bà V chi tiêu trong gia đình. Sau đó khoảng 01 năm thì ông bị nhiễm trùng uôn ván, bị mất sức lao động nên không làm được công việc cũ nên thu nhập có giảm, nhưng ông vẫn chịu khó về Tiền Giang mua khoai lang sống mang lên Thành phố Hồ Chí Minh rửa và luộc cho bà V bán lãi mỗi ngày khoảng 1 triệu đồng, đó cũng có công sức của ông.

Nay sở dĩ bà V muốn ly hôn ông là do bà V đã có tình cảm với người khác nên ông không đồng ý ly hôn.

Ngoài ra, các vấn đề khác ông giữ nguyên lời trình bày trong bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, không thể hòa giải được nên đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: việc giao con cho nguyên đơn tiếp tục nuôi con sẽ đảm bảo sự cuộc sống ổn định cho trẻ vì nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc con từ nhỏ. Nguyên đơn có công việc và thu nhập ổn định nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được tiếp tục nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Lư Hải D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/2015, ngày 29/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, bà V và ông D đều thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017, hai bên không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã triệu nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng bị đơn không đưa ra được giải pháp phù hợp để hàn gắn tình cảm vợ chồng; nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn nên không thể hòa giải được. Chính bị đơn cũng thừa nhận bị đơn không đồng ý ly hôn vì không muốn nguyên đơn có mối quan hệ tình cảm với người khác.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Lư Hải D có 01 con chung tên Lư Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/4/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai vợ chồng đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, xét điều kiện nuôi con thì trẻ Lư Nguyễn Gia B mới gần 04 tuổi, bà V là người đã trực tiếp chăm sóc con từ khi mới sinh đến nay. Ngược lại, ông D và bà V sống ly thân từ năm 2017, tức là khi con mới 01 tuổi, ông D không cấp dưỡng nuôi con và không thăm nom, chăm sóc con nên không có sự gần gũi với con. Mặt khác, công việc của ông D hiện không ổn định nên không thuận tiện cho việc trực tiếp chăm sóc con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho bà V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lư Nguyễn Gia B cho đến khi thành niên là phù hợp và bảo đảm cho quyền lợi của trẻ.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị V không yêu cầu ông Lư Hải D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Lư Hải D đều tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Lư Hải D.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Lư Hải D chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89/2015, ngày 29/12/2015 do Ủy ban nhân dân xã Long Trì, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị V và ông Lư Hải D không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lư Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/4/2016 cho đến khi thành niên.

Ông Lư Hải D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với mẹ. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà V thì bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Lư Hải D đều tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011804 ngày 05/12/2019 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Nguyễn Thị V đã đóng đủ tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú